

Bản án số: 147/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Thanh Sang;
bà Phan Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: ông Quách Thuận An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: ông Lê Trần Long- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Võ Thị L, sinh năm 1996; nơi cư trú: số 416, ấp 3, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: ông Nguyễn Phước V, sinh năm 1988; nơi cư trú: số 99, tổ 03, ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày: bà L chung sống với ông V có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã M cấp chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày đăng ký 31/7/2017. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Phúc V1, sinh ngày 20/02/2017.

Năm 2019, vợ chồng làm công nhân, ở trọ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Mỗi khi ông V có rượu, thường xuyên kiếm chuyện chửi mắng, đập phá đồ đạc gia đình. Mặc dù vậy, bà L vẫn cố nhịn chịu. Sau đó, vợ chồng ra ở trọ, làm công nhân tại tỉnh Đồng Nai, ông V tiếp tục dùng rượu bia với người khác rồi say xỉn tự dưng chửi tới tấp, với lời lẽ tục tằn đối với bà L dù không ai làm gì

sai trật với ông V. Thấy vậy, bà L trở về Thành phố Hồ Chí Minh sống xa lánh ông V, còn bản thân ông V vẫn ở lại tỉnh Đồng Nai. Kể từ đó, vợ chồng không ai liên lạc, thăm hỏi lẫn nhau. Vụ việc vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu xảy ra ở tỉnh Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh. Không có lần nào phát sinh mâu thuẫn tại quê nhà. Từ ngày vợ chồng đi làm ở xa, đứa con trai của vợ chồng được gửi lại cho cha mẹ bà L chăm sóc, học hành tại huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Vì vậy, bà L yêu cầu ly hôn ông V, yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của bà L: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông V kiếm chuyện gây mâu thuẫn chủ yếu do bản tính say xỉn của ông V, có lẽ do uống nhiều rượu, bia làm cho thần kinh không ổn định. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2019 đến nay, trong thời gian đó, không ai ngó ngang với nhau.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: phát sinh từ bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng cũ cãi, cuộc sống gia đình không hạnh phúc và sống ly thân, cả hai không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn hạnh phúc, ông V không có ý kiến phản đối, cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng.

Hiện tại, con chung Nguyễn Phúc V1, sinh ngày 20/02/2017 đang sống chung với bà L và có ý kiến được tiếp tục sống chung với bà L. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu Nguyễn Phúc V1 được bà L chăm sóc tốt, phát triển thể chất, tinh thần, đang sống ổn định với bà L.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận khởi kiện của bà L về yêu cầu ly hôn ông Vinh; giao cháu Nguyễn Phúc V1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Bà L có đơn khởi kiện đối với ông V về yêu cầu ly hôn, nuôi con. Ông V có nơi cư trú tại ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà L có mặt; ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà L và ông V là vợ chồng hợp pháp, được nhà nước tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, theo lời khai của bà L, lời khai của người làm chứng bà Võ Thị Bích H do Tòa án thu thập cho thấy vợ chồng bà L, ông V có xảy ra mâu thuẫn là có thật, sống ly thân hơn 04 năm nay mặc dù đã được hàn gắn nhiều lần nhưng vợ chồng không yêu thương nhau. Mặt khác, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông V nhằm tạo điều kiện, tổ chức hòa giải tình cảm vợ chồng nhưng ông V không có văn bản ý kiến, vắng mặt không có lý do thì xem như đã bỏ mặc việc tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Như vậy, ông V thường xuyên uống rượu, bia say xỉn chửi bới bà L dẫn đến vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau, không có tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L yêu cầu ly hôn ông V là có căn cứ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án chấp nhận khởi kiện của bà L về yêu cầu ly hôn ông V.

[4] Khi ly hôn, bà L yêu cầu trực tiếp nuôi con. Theo lời khai của bà L, nguyện vọng của trẻ và lời khai của người làm chứng bà Võ Thị Bích H thì thấy bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ, sống ổn định, gắn bó thân thiết với bà L trong thời gian vợ chồng sống ly thân, trẻ được quan tâm, chăm sóc tốt. Mặt khác, ông V không có ý kiến, yêu cầu nuôi con. Như vậy, bà L yêu cầu trực tiếp nuôi con là có căn cứ. Theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà L, giao con Nguyễn Phúc V1 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Sau khi ly hôn, bà L phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông V thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] bà L không yêu cầu cấp dưỡng cho con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Tòa án không xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí sơ thẩm: bà L phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn Phước V;

Bà Võ Thị L được ly hôn ông Nguyễn Phước V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 106, ngày đăng ký 31/7/2017 của Ủy ban nhân dân xã M cấp, không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao con Nguyễn Phúc V1, sinh ngày 20/02/2017 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu cấp dưỡng cho con; Ông V không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí sơ thẩm: bà L phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0015030 ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3. Bà L có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Ông V vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân